

Nam Định, ngày 24 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quy chế xét miễn và công nhận điểm học phần trong chương trình đào tạo bậc đại học ban hành kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-ĐDN ngày 08/8/2016

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG NAM ĐỊNH

Căn cứ Quyết định số 24/2004/QĐ-TTg ngày 26/02/2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 779/QĐ-BYT ngày 07/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định;

Căn cứ Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung đề án dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 của Quy chế xét miễn và công nhận điểm học phần trong chương trình đào tạo bậc đại học ban hành kèm theo Quyết định số 1508/QĐ-ĐDN ngày 08/8/2016 của Hiệu trưởng trường Đại học Điều dưỡng Nam Định, cụ thể như sau:

1. Khoản 5, Điều 3. Nguyên tắc và hướng dẫn xét miễn và công nhận điểm học phần được chỉnh sửa như sau

5. Đối với các học phần Ngoại ngữ, sinh viên được xét miễn học trong các trường hợp sau:

a) Sinh viên có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế còn hiệu lực (tính đến thời điểm xét) được qui đổi về các mức khác nhau để nhà trường xét miễn các học phần ngoại ngữ

Sinh viên có chứng chỉ Ngoại ngữ (tiếng Anh, Nhật, Đức) tương đương bậc 2 trở lên (đối với các khóa học tốt nghiệp trước 31/12/2021), bậc 3 trở lên (đối với các khóa học tốt nghiệp từ năm 2022 trở đi) theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo Thông tư 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo) tại các cơ sở, tổ chức cấp chứng chỉ ngoại ngữ được Bộ GD&ĐT công nhận được xét miễn các học phần ngoại ngữ

Bảng 1: Qui đổi khi xét miễn học phần Ngoại ngữ

Khung NLNN Việt Nam	Chứng chỉ quốc tế (điểm) Tiếng Anh	Tiếng Nhật	Tiếng Đức
Bậc 4: B2	PET (80 – 100) TOEIC (605-800) IELTS (5,5-6,0); TOEFL ITP \geq 500; TOEFL iBT (65-78)	JLPT N3	B2 ZD
Bậc 3: B1	PET (65 – 79) KET (90-100) TOEIC (405-600) IELTS (4,0-5,0) TOEFL ITP \geq ; TOEFL iBT (41-64)	JLPT N4	B1 ZD
Bậc 2: A2	PET (45 – 64) KET (70-89) TOEIC (255-400) IELTS (3,0-4,0) TOEFL ITP \geq 337; TOEFL iBT (30-40)	JLPT N4	A2 ZD
Bậc 1: A1	KET (45-69) TOEIC (<250) IELTS (1,0-2,5); TOEFL iBT (9-29)	JLPT N5	A1 ZD

Bảng 2: Chứng chỉ ngoại ngữ do các cơ sở/tổ chức quốc tế cấp được nhà trường chấp thuận để xét miễn và công nhận điểm học phần

STT	Cơ sở/tổ chức	Ghi chú
1	IIG Việt Nam	TOEFL PBT , TOEFL iBT, TOEIC
2	British Council	IELTS, KET, PET
3	IDP Việt Nam	IELTS
4	Cambridge ESOL Việt Nam	KET, PET
5	Goeth Institut	A1 \rightarrow C2
6	The European language Certificates (Telc)	A1 \rightarrow C2
7	JapanFoundation	JLPT

b) Sinh viên là người nước ngoài theo học chương trình đào tạo bằng tiếng Việt có nguyện vọng không học các học phần ngoại ngữ.

c) Sinh viên đã có bằng đại học, cao đẳng của chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Anh.

2. Khoản 6, Điều 3. Nguyên tắc và hướng dẫn xét miễn và công nhận điểm học phần được chỉnh sửa như sau

6. Đối với các học phần tin học căn bản thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, sinh viên được xét miễn học phần nếu đã có bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng, đại học các ngành thuộc nhóm ngành máy tính và công nghệ thông tin.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Trường các Khoa, Phòng, Trung tâm và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, ĐTDH.



Lê Thanh Tùng